

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 41/2018/DS.ST

Ngày 15/5/2018

“*Tranh chấp: chia quyền sử
dụng đất, chia di sản thừa kế*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

* * *

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 16/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp: “*chia quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Đào Duy L, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ H, khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

***Bị đơn:** Ông Đào Quốc T1, sinh năm 1942

Địa chỉ: Tổ T, khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đào Thị M, sinh năm 1939

Ủy quyền cho: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Đường H, khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Bà Đào Thị B1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Đường H, khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

4. Ông Đào Duy T2, sinh năm 1964

Địa chỉ: Đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

5. Bà Đào Thị L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Bà Đào Thị Bích T3, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ H, khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

7. Vợ chồng anh Đào Văn S1, sinh năm 1972

Chị Phạm Thị S2, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu vực Phò An, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Ông Đào Quốc T1, anh Đào Văn S1, chị Phạm Thị S2 vắng mặt, các đương sự khác có mặt tại phiên Tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Đào Duy L trình bày:*

Cha mẹ là: Đào T - chết 28/5/2015 và Đoàn Thị B - chết ngày 25/01/1989 âm lịch, không để lại di chúc.

Cha mẹ có 08 người con đẻ, gồm: Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3. Cha mẹ không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú.

Ông nội là Đào P, có hai bà nội là Tô Thị T và Tô Thị S đều chết khi ông còn nhỏ. Ông ngoại là Đoàn Đ, chết năm 1972, bà ngoại Lê Thị B, bà ngoại chết trước mẹ.

Di sản của cha mẹ để lại: nhà - đất tại khu vực Phò An, phường Nhơn Hưng, nhà do cha mẹ xây dựng, đất do ông bà để lại cho cha mẹ. Sau khi cha chết thì vợ chồng Đào Văn S1 (con trai Đào Quốc T1) tiếp tục ở. Quá trình ở, S1 có tu bổ lán nền xi măng nhà dưới. Ngoài nhà, đất còn một số đồ dùng lặt vặt trong gia đình có giá trị nhưng ông không tranh chấp.

Nhà, đất của cha mẹ đã được UBND huyện (nay là thị xã) An Nhơn cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00056/QSDĐ/I₈, ngày 13/8/1993, diện tích 3.936m² thuộc thửa số 820, tờ bản đồ số 05 xã (nay là phường) Nhơn Hưng. GCNQSDĐ cấp cho cha có bao trùm phần đất mà bà Đ mua của ông chú ruột là Đào Văn P (chết), sau này cha đã làm thủ tục trả lại đất cho bà Đ.

Trước kia, đường vào nhà đi lối phía bắc, có một bờ ruộng nhỏ dẫn xuống quốc lộ 1A mới, 02 em Đ, B1 thỏa thuận với bà Nguyễn Thị H ở Phò An, Nhơn Hưng nhượng lại diện tích ruộng 1m dài 26m để mở rộng đường đi từ nhà đến Quốc lộ 1A mới, 02 em Đ, B1 đổ đất nâng ruộng lên làm đường đi.

Nay yêu cầu Tòa giải quyết chia nhà, đất theo quy định của pháp luật, còn các tài sản lặt vặt không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn Đào Quốc T1 trình bày:* Thống nhất về quan hệ gia đình như nguyên đơn trình bày. Cha mẹ chết không để lại di chúc. Ông nội là Đào P, có hai bà nội là chị em ruột là Tô Thị T, khi bà nội T chết thì ông nội lấy bà Tô Thị S. Ông bà nội chết khi ông còn nhỏ. Ông ngoại là Đoàn Đ – chết năm 1972, bà ngoại là Lê Thị B - chết năm 1980.

Năm 2014, cha có đưa cho ông 02 sổ tiết kiệm, 01 sổ 7.000.000đ, 01 sổ 6.000.000đ và 03 chỉ vàng y để xây tường rào ở phía Nam. Năm 2014, ông xây dựng

tường rào chi phí tiền xi măng, thép là 4.900.000đ, tiền lưới B40 là 2.656.500đ, 06 viên gạch bông 06 lỗ, chi phí công thợ bao nhiêu ông không nhớ.

Ngoài nhà, đất ra thì còn có một số đồ dùng vặt trong gia đình, ông không biết cụ thể là những gì, bao nhiêu.

Năm 1993, hộ gia đình do cha Đào T làm chủ hộ thì có Đào Văn S1 và cháu Đào Minh N (cháu N chết khoảng năm 1997) có cùng hộ khẩu với cha, do lúc đó vườn đất nhiều nên hộ gia đình cha không được nhận ruộng.

Vườn đất của cha mẹ đã được UBND huyện (nay là thị xã) A cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số 00056/QSĐĐ/I₈, ngày 13/8/1993, diện tích 3.936m² thuộc thửa số 820, tờ bản đồ số 05 xã (nay là phường) N.

Trước kia đường vào nhà đi lối phía bắc, có một bờ ruộng nhỏ dẫn xuống quốc lộ 1A mới, khi mở đường quốc lộ 1A mới thì S1 mới xin bà Nguyễn Thị H ở khu vực P, phường N nhượng lại cho diện tích ruộng 1,2m x 26m và S1 đổ đất nâng ruộng lên cao để mở rộng đường đi từ nhà đến Quốc lộ 1A mới.

Nay các anh chị, em của ông yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà, đất của cha mẹ để lại thì ông yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị M- ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Y trình bày:** Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình và tài sản của ông T, bà B để lại. Nay yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà, đất của ông T – bà B để lại theo quy định pháp luật

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Đ, Đào Thị B1, ông Đào Duy T2, bà Đào Thị L, bà Đào Thị Bích T3 trình bày:** Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Bà Đào Thị Đ bổ sung yêu cầu chia quyền sử dụng đất theo nhân khẩu của bà được cấp chung trong hộ gia đình do ông Đào T làm chủ hộ.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Văn S1 trình bày:** Anh là con ông Đào Quốc T1. Tài sản của ông bà nội để lại là nhà - đất tại khu vực P, phường N, hiện anh đang quản lý. Ông bà nội chết không để lại di chúc. Khi còn sống ông nội không nói để nhà, đất cho ai nhưng có nói anh ở đây rồi canh tác trên mảnh đất vườn lấy chi phí thờ cúng ông bà nên anh mới đầu tư tu bổ, sửa chữa ngôi nhà, xây hàng rào, làm đường đi.

Quá trình ở thì vợ chồng anh có sửa chữa, tu bổ cụ thể:

+ Năm 2014, lợp tôn khoảng 30m² phía trên phòng của ông nội và phòng sinh hoạt chung, chi phí bỏ ra khoảng 3 – 4.000.000đ.

+ Năm 2014 do lán lại nền xi măng phần nhà chái diện tích 3 x 20m, vật liệu xây dựng khoảng 10 bao xi măng, 01 xe cát, chi phí bỏ ra khoảng 2.000.000đ.

+ Năm 2015 xây hàng rào ở phía Đông và Bắc thửa đất, hàng rào phía Đông bằng bê tông cốt thép cao 0.8m, dài khoảng 34 – 35m, bên trên kéo lưới B40 cao 1.5m; còn phía Bắc dựng trụ bê tông cốt thép và kéo lưới B40 cao 1,5m, chiều dài hàng rào khoảng 34 – 35m. Chi phí vật liệu, công thợ khoảng 27.000.000đ.

+ Mua đất ruộng diện tích ngang 1.2m dài 26m của bà Nguyễn Thị H để làm đường đi: số tiền mua là 5.700.000đ, bà Đ, bà B1 mỗi người góp 2.000.000đ, cha Đào Quốc T1 góp 1.000.000đ, anh góp 700.000đ, anh chi phí đổ 03 xe đất mỗi xe giá

650.000đ; mua 10 bao xi măng, công làm 1.800.000đ; xây bờ đường đi bằng gạch cũ do ông nội để lại, năm 2016 anh khoan giếng mới, chi phí bỏ ra là 1.500.000đ.

Quá trình ở, anh bán bụi tre số tiền bán là 10.000.000đ, nhưng thực nhận chỉ có 9.000.000đ. Nay anh yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật, phần chi phí vợ chồng anh bỏ ra để sửa chữa, tu bổ nhà - đất yêu cầu sau khi khấu trừ số tiền bán bụi tre 9.000.000đ thì trả lại cho vợ chồng anh.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các đương sự vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu của mình: chỉ yêu cầu chia thừa kế về nhà đất, các tài sản khác không yêu cầu giải quyết, về công sức đóng góp sửa chữa nhà của Đào Văn S1 các bên thỏa thuận giải quyết xong.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình từ khi thụ lý đến khi ra quyết định xét xử và tại phiên tòa. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và yêu cầu chia quyền sử dụng đất của bà Đào Thị Đ.

Về án phí: đề nghị Tòa áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người liên quan bà Đào Thị Đ yêu cầu chia quyền sử dụng đất được giao trong hộ gia đình do ông Đào T làm chủ hộ; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người liên quan (Đào Thị Đ); các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án: “Yêu cầu chia quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn đang cư trú và tài sản đang tranh chấp đều tại thị xã An Nhơn. Căn cứ điểm a, khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.3] Về những người tham gia tố tụng: Ngoài nguyên đơn, bị đơn thì các đồng thừa kế của ông Đào T và anh Đào Văn S1 + chị Phạm Thị S2 (người tu bổ nhà của ông Đào T) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện:

Đối với yêu cầu chia quyền sử dụng đất, căn cứ khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015, Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông Đào T - chết 28/5/2015 và Đoàn Thị B - chết ngày 25/01/1989, căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về Nội dung: Căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án: Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Pháp lệnh thừa kế 1990, Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[2.1] Xét yêu cầu chia quyền sử dụng ruộng đất chung trong hộ gia đình ông Đào T của bà Đào Thị Đ, Tòa thấy rằng:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00056/I₈ QSDĐ, ngày 13/8/1993 do UBND huyện (nay là thị xã) A cấp thì hộ gia đình ông Đào T được giao diện tích 3.936m² gồm: 200m² đất ở, 3.736m² đất vườn thuộc thửa đất số 820, tờ bản đồ số 5, xã (nay là phường) N;

Các đương sự đều thống nhất xác định nhà đất do vợ chồng ông Đào T tạo lập nên diện tích 200m² đất ở thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Đào T và bà Đoàn Thị B, đối với diện tích đất vườn thì UBND thị xã A xác định: khi giao quyền sử dụng ruộng đất theo Luật đất đai năm 1993 đã giao chung cho những người có tên trong hộ khẩu gia đình nên không còn là tài sản của vợ chồng ông Đào T và bà Đoàn Thị B.

Qua đo đạc diện tích thửa đất thấy rằng: diện tích đất đã tách cho bà Đào Thị Đ 1.207m² nhưng qua đo đạc thực tế thì diện tích đất bà Đ đang sử dụng là 1.223.94m², diện tích đất của ông T còn lại 2.712,06m² bị thiếu 33,06m², UBND thị xã A xác nhận việc thiếu đất là sai số trong quá trình đo đạc, các đương sự thống nhất không khiếu nại gì đối với diện tích đất bị thiếu so với diện tích ghi trong GCNQSDĐ, nên có căn cứ xác định diện tích đất ở là 200m², diện tích đất vườn là 3.697,94m² chứ không phải 3.736m² như trong GCNQSDĐ.

Theo công văn số 152/UBND ngày 05/3/2018 của UBND thị xã A xác định: khi giao quyền sử dụng đất thì hộ gia đình ông Đào T có 02 nhân khẩu được giao ruộng đất gồm: Đào T, Đào Thị Đ, như vậy tổng số đất vườn được chia đều cho 02 nhân khẩu, mỗi người được 1.848,97m² đất vườn; bà Đ đã nhận 1.223,94m² còn được nhận thêm 625,03m²

[2.2] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của Nguyên đơn thấy rằng:

[2.2.1] Về diện và hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất xác định vợ chồng ông Đào T và bà Đoàn Thị B có 08 người con đẻ đều còn sống: Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3, không có con riêng, con nuôi. Cha mẹ của ông Đào T chết trước ông T; Cha mẹ của bà Đoàn Thị B chết trước bà Ba.

Như vậy áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 điều 25 Pháp lệnh thừa kế 1990, Khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự 2005 thì có 08 đồng thừa kế ở hàng thứ nhất của ông T và bà B là 08 người con: Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3.

[2.2.2] Di sản của ông Đào T và bà Đoàn Thị B gồm: 200m² đất ở và 91,96m² nhà loại N₈; 53,94m² nhà loại N₄ nhưng do nhà xuống cấp nghiêm trọng nên các đương sự thống nhất không tính giá trị nhà; Di sản của Đào T còn có 1.848,97m² đất vườn.

Các đương sự thống nhất trích 111,96m² đất vườn làm lối đi chung, như vậy còn 1.737,01m² đất vườn.

Chia di sản của ông Đào T cho 08 đồng thừa kế, mỗi thừa kế được 12,5m² đất ở và 217,12m² đất vườn. Chia di sản của bà Đoàn Thị B cho 08 đồng thừa kế, mỗi thừa kế được 12,5m² đất ở

Tổng cộng: các ông bà: Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3 mỗi người được 25m² đất ở và 217,12m² đất vườn; Bà Đào Thị Đ được nhận tổng cộng 25m² đất ở và 842,15m² (217,12m² được thừa kế + 625,03m² được giao quyền sử dụng) đất vườn.

Vị trí đất được chia như sau: Bà Đ được chia đất phía sau phần đất mà bà đang sử dụng, kế theo phần đất của bà Đ là phần đất của các ông bà: Đào Thị B1, Đào Duy L, Đào Duy T2, Đào Thị M, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3, Đào Quốc T1. Việc chia đất có sơ đồ kèm theo

Về án phí: các ông bà: Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ thuộc diện người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Các ông bà: Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3 mỗi người phải chịu án phí bằng 5% kỷ phần thừa kế: $5\% \times [(200.000\text{đ} \times 25\text{m}^2 \text{ đất ở}) + (74.000\text{đ} \times 216,06\text{m}^2 \text{ đất vườn})] = 1.049.000\text{đ}$.

Hoàn trả cho ông Đào Duy L 5.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008481, ngày 14/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

Lệ phí do đặc định giá 3.000.000đ, Các ông bà: Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3 mỗi người phải chịu 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông Đào Duy L đã nộp tạm ứng 3.000.000đ, các ông bà Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3 mỗi người phải hoàn trả cho ông Long 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 165, Khoản 2 Điều 227, các Điều 264, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 các Điều 24, 25, Điều 35 Pháp lệnh thừa kế 1990; Các Điều 674, 675, 676, 688, 733, 734, 735 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 623 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm d Khoản 1 Điều 12, Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Xác định hộ gia đình ông Đào T có 02 nhân khẩu được giao quyền sử dụng ruộng đất là: Đào T, Đào Thị Đ, mỗi nhân khẩu được giao 1.684,5m² đất vườn, bà Đào

Thị Đ đã nhận 1.223,94m² đất vườn, còn được nhận thêm 625,03m² đất vườn thuộc thửa đất số 820, tờ bản đồ số 5, xã (nay là phường) N.

[2] Xác định 08 người thừa kế hàng thứ nhất của vợ chồng ông Đào T và bà Đoàn Thị B gồm: các ông bà Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3.

- Xác định di sản chung của vợ chồng ông Đào T và bà Đoàn Thị B 200m² đất ở và 91,96m² nhà loại N8; 53,94m² nhà loại N4; di sản riêng của ông Ông Đào T là 1.848,97m² đất vườn.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không tính giá trị nhà của vợ chồng Đào T + Đoàn Thị B do bị xuống cấp nghiêm trọng; Trích 111,96m² đất vườn làm lối đi chung

Chia di sản thừa kế của vợ chồng ông Đào T và bà Đoàn Thị B cho các ông bà Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3 mỗi người được 01 kỷ phần gồm: mỗi thừa kế được 25m² đất ở và 217,12m² đất vườn thuộc thửa đất số 820, tờ bản đồ số 5, xã (nay là phường) N. Tổng cộng: Bà Đào Thị Đ được nhận [1] + [2] = 25m² đất ở và 842,15m² đất vườn.

Trên phần đất của ai có nhà thì người đó được sở hữu luôn diện tích nhà

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo)

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

[3.1] Các ông bà: Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ thuộc diện người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[3.2] Các ông bà: Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3 mỗi người phải chịu án phí bằng 5% kỷ phần thừa kế: 5% x [200.000đ x 25m² đất ở + 74.000đ x 216,06m² đất vườn = 1.049.000đ (một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

[3.3] Hoàn trả cho ông Đào Duy L 5.000.000đ (năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008481, ngày 14/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

[3.4] Lệ phí đo đạc định giá 3.000.000đ (ba triệu đồng). Các ông bà: Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Duy L, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3 mỗi người phải chịu 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ông Đào Duy L đã nộp tạm ứng 3.000.000đ (ba triệu đồng) nên các ông bà Đào Thị M, Đào Quốc T1, Đào Thị Đ, Đào Thị B1, Đào Duy T2, Đào Thị L, Đào Thị Bích T3 mỗi người phải hoàn trả cho ông Long 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[4]. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

[4.1]. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THA.DS TX .An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Dung